

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 344/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 tranh chấp về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện T, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện T, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 16 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T (nguyên đơn) khai:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18 tháng 7 năm 2003. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thường

phát sinh mâu thuẫn nhưng vì con nên chị T cố gắng chịu đựng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Trong thời gian chị T đi lao động tại Hàn Quốc (từ năm 2018 đến tháng 10 năm 2023), anh C thường xuyên gọi điện, nhắn tin chửi bới chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T khai chị và anh Trương Văn C có hai con chung là Trương Văn C, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2004 và Trương Thị T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2008. Con chung Trương Văn C đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C tự thỏa thuận và giao nhận với nhau nên chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn C xác nhận anh và chị Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18 tháng 7 năm 2003. Quá trình chung sống, thỉnh thoảng vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau. Từ năm 2018 đến đầu tháng 10 năm 2023, chị T đi lao động tại Hàn Quốc. Đến tháng 10/2023 chị T về nước thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải, động viên nhưng chị T vẫn không quay về nhà chung sống. Nay chị T có đơn xin ly hôn thì anh C có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ.

- Về việc nuôi con: Anh Trương Văn C xác nhận anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Trương Văn C, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2004 và Trương Thị T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2008. Con chung Trương Văn C đã trưởng thành nên anh C không có ý kiến gì. Trong trường hợp phải ly hôn, anh Trương Văn C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Trương Thị T. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Anh Trương Văn C xác nhận anh và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; tư cách tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao con chung Trương Thị T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2008 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là anh Trương Văn C có địa chỉ tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài nhiều năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải nhưng không có kết quả nên chị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Xét, quan hệ hôn nhân của chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C có hai con chung là Trương Văn C, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2004 và Trương Thị T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2008. Con chung Trương Văn C đã trưởng thành nên chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, cả chị T và anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thị T. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện từ khi còn nhỏ đến nay cháu T đều do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và vẫn bảo đảm tốt về mọi mặt; hơn nữa cháu T là con gái, đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý nên cần có sự chăm sóc, giáo dục của mẹ. Bản thân cháu Thu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con chung Trương Thị T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Văn C.
2. Về con chung: Giao con chung Trương Thị T, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008932 ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- UBND xã An Sơn, huyện Thủy Nguyên;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18/7/2003);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Mạnh Doãn Văn Sáng

Lương Ngọc Dũng